

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-11-2019
V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị L và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phụng;

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 4, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 4, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 13-11-2005 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống trên đất của bố mẹ đẻ anh T ở xóm 4, xã HP. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát cãi chửi nhau nên hai người đã

ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 05/10/2006; cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/6/2010 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/12/2015. Hiện nay 03 con đang ở với chị L, khi ly hôn chị L nhận nuôi con và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị L không đề nghị giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để nhận các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành gửi và niêm yết các văn bản tố tụng thông qua Công an xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định tổng đạt cho anh T. Như vậy, anh T đã biết được quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh T nhưng anh T vẫn không có mặt, không thể hiện ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị L có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh T theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định ngày 13-11-2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xung đột, cãi chửi nhau. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay, chị L và anh T đã sống ly thân. Nay xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống được nên chị L xin ly hôn anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị L đối với anh Nguyễn Văn T: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và

anh T là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh T cũng biết được việc chị L làm đơn xin ly hôn nhưng đến nay, anh T không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3] Con chung: Chị Mai Thị L và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 05/10/2006; cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/6/2010 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/12/2015, các con đang ở cùng chị L. Khi ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị L thì thấy: Hiện các con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, hơn nữa đến nay anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị L về việc nuôi con chung; giao 03 con chung cho chị Mai Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung và công nợ: Do chị Mai Thị L không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, đến nay anh T cũng không có ý kiến gì về tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Mai Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 05/10/2006; cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/6/2010 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/12/2015 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Mai Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí lý hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001772 ngày 19-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Mai Thị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HP: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái